

Số: /QLĐT-ĐHKTQD
V/v quy định hệ thống mã dữ liệu quản lý
đào tạo

Hà nội, ngày tháng 5 năm 2012

QUY ĐỊNH HỆ THỐNG MÃ DỮ LIỆU QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

I. YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC

- Bảo đảm tính tương thích cao nhất với hệ thống dữ liệu hiện có
- Đáp ứng được nhu cầu quản lý trong tương lai khi mở rộng các hình thức, hệ đào tạo.
- Phù hợp với thông lệ quốc tế (được áp dụng rộng rãi ở các trường đại học có uy tín trên thế giới)
- Đáp ứng được mục tiêu quản lý trước mắt và chiến lược phát triển của Nhà trường
- Tạo điều kiện thuận lợi để áp dụng hệ thống đào tạo theo hệ thống tín chỉ và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo

II. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

- Áp dụng từ năm 2012 cho tất cả các hệ đào tạo

III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Mã bậc đào tạo

1.1. Định dạng: 1 ký tự, từ 0 đến 9, thể hiện bậc đào tạo

1.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu:

Mã	Tên Bậc đào tạo	Tên viết tắt	Tên tiếng Anh	Ghi chú
0	Không cấp bằng		No Degree	
1	Đại học	ĐH	Bachelor (BA)	
2	Cao học	CH	Master (MA)	
3	Nghiên cứu sinh	NCS	Doctor of Philosophy (PhD)	
4	Cao đẳng	CĐ	Diploma	
5	Trung cấp	TC	Intermediate Professional Education	
6...9	Dự trữ cho bậc đào tạo khác			

2. Mã hệ, hình thức đào tạo

2.1. Định dạng: 1 ký tự thể hiện hệ và hình thức đào tạo

2.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu

Mã	Tên hệ đào tạo	Tên viết tắt	Tên tiếng Anh	Ghi chú
1	Hệ chính quy	CQ	Fulltime	
2	Hệ văn bằng 2 chính quy	VB2-CQ	Fulltime-Second Degree	
3	Hệ Liên thông từ CĐ lên ĐH - CQ	LT-CĐ-CQ	Fulltime-Transfer Degree	
4	Hệ liên thông từ TC lên ĐH – CQ	LT-TC-CQ	Fulltime-Transfer Degree	
5	Hệ vừa làm vừa học (tại chức cũ)	VLVH	Parttime	
6	Hệ văn bằng 2 VLVH	VB2-VLVH	Parttime-Second Degree	
7	Hệ Liên thông từ CĐ lên ĐH - VLVH	LT-CĐ-VLVH	Parttime-Transfer Degree	
8	Hệ liên thông từ TC lên ĐH – VLVH	LT-TC-VLVH	Parttime-Transfer Degree	
9	Hệ đào tạo từ xa	TX	Distance Education	
0	Hệ đào tạo quốc tế	QT	International Education	
A...Z	<i>Dự trữ cho các hệ đào tạo khác</i>			

3. Mã đơn vị -

3.1. Định dạng: 3 ký tự, sử dụng bộ mã Nhà trường hiện đang sử dụng quản lý đơn vị và cán bộ, giảng viên thuộc đơn vị (như đang in trên thẻ công chức)

3.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu

Mã	Tên đơn vị	Tên tiếng Anh	Ghi chú
VD: 003	Phòng Quản lý Đào tạo	Academic Affairs Office	
<i>Danh mục cụ thể xem tại phụ lục 1</i>			

4. Mã Bộ môn

4.1. Định dạng: 4 ký tự. Mã bộ môn chủ yếu dùng các chữ cái đầu của tên Khoa, Bộ môn để dễ gọi nhớ

4.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu

Mã	Tên Bộ môn	Tên tiếng Anh (Department of...)	Mã đơn vị	Tên Viện/ Khoa (đơn vị quản lý trực tiếp)	Ghi chú
VD: NHTM	Ngân hàng Thương mại	Banking	044 (Xem mục 3 ở trên)	Viện Ngân hàng Tài chính	
Danh mục cụ thể xem tại phụ lục 2					

5. Mã cán bộ, giảng viên – sử dụng theo mã Công chức đang in trên thẻ cán bộ.

5.1. Định dạng: 11 ký tự như trong bộ mã Nhà trường đã sử dụng để quản lý cán bộ, giảng viên: Mã ngạch (**N**-3 ký tự)_Mã đơn vị (**V**-3 ký tự)_Số thứ tự cán bộ (**n**-5 ký tự)

N₁N₂ N₃.V₁V₂V₃. n₁n₂n₃n₄n₅

5.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu:

Mã	Tên cán bộ	Học vị	Học hàm	Ngạch	Bậc	Ghi chú
VD: 003.001.00123	Nguyễn Văn A	Thạc sỹ		Giảng viên		

6. Mã sinh viên

6.1. Định dạng 8 ký tự, chia làm 4 nhóm, được định dạng như sau:

B₁H₁Y₁Y₂n₁n₂n₃n₄

B Bậc (1)	H Hệ (1)	YY Năm tuyển sinh (2) Chỉ lấy 2 ký tự cuối của năm	nnnn Số thứ tự (4) Số thứ tự sinh viên
------------------	-----------------	--	--

6.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu:

Mã	Tên sinh viên	Ngày sinh	Phái	Dân tộc	Đợt tuyển	Hộ khẩu	Thông tin học phí	Lớp chuyên ngành
VD: 11123456	Nguyễn Văn Phương	10/10/1990	Nam (0) Nữ (1) Khác (2)	Kinh / Tày / Hoa. ...	1	Theo tỉnh, huyện. Sử dụng bảng mã tuyển sinh	Niên chế / Tín chỉ / CTTT/CLC / ...	

Đối với **hệ đào tạo quốc tế**, do có nhiều đơn vị quản lý, số thứ tự (nnnn) trong mã sinh viên được quy định như sau:

Viện ĐTQT: từ 0 đến 1999
 Viện QTKD: từ 2000 đến 2999
 Viện Sau Đại học: từ 3000 đến 3999
 VP Chương trình tiến tiến: từ 4000 đến 4999
 Phòng HTQT: từ 5000 đến 5999
 Phòng QLĐT: từ 6000 đến 6999
 Trung tâm ĐTTX: từ 7000 đến 7499
 Khoa ĐH Tại chức: từ 7500 đến 7999
 Dự trữ cho các đơn vị khác: từ 8000

7. Mã chuyên ngành

7.1. Định dạng

- Bậc đại học: 3 ký tự: *Xem phụ lục 3.1*
- Bậc Sau đại học: phụ lục 3.2

7.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu:

Mã CN	Tên chuyên ngành	Tên tiếng Anh	Ngành	Tên ngành	Hệ số học phí	Ghi chú
418	Kinh tế Đầu tư	Investment Economics	D310101	<i>Kinh tế</i>		

8. Mã lớp sinh viên

8.1. Định dạng 9 ký tự, chia làm 4 nhóm, được định dạng như sau:

B₁H₁Y₁Y₂C₁C₂ C₃n₁n₂

B	H	Y	C	n
Bậc (1)	Hệ (1)	Năm tuyển sinh (2)	Mã chuyên ngành (3)	Số thứ tự (2)

		Chỉ lấy 2 ký tự cuối của năm	Theo bảng mã chuyên ngành	Số thứ tự lớp
--	--	------------------------------	---------------------------	---------------

8.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu:

Mã lớp	Tên lớp	Mã đơn vị	Đợt tuyển	Địa điểm mở lớp	Tên tiếng Anh	Ghi chú
		Mã khoa / đơn vị QLSV			Business Statistics CQ-K53	

9. Mã học phần

9.1. Định dạng 8 ký tự: MãBỘMôn (4)_B₁H₁n₁n₂

Trong đó: B: mã hóa bậc đào tạo (1 ký tự)

H: mã hóa hệ đào tạo (1 ký tự)

N: mã hóa số thứ tự môn học trong bộ môn (2 ký tự)

9.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu:

Mã HP	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Số tín chỉ	Bộ môn <i>4 ký tự mã hóa Bộ môn</i>	Điều kiện học trước	Ghi chú
TIKT1101	Tin học Đại cương	Basic Informatics	3	TIKT	Liệt kê các mã học phần cần học trước	Dạy cho bậc đại học chính quy

10. Mã lớp học phần

10.1. Định dạng 11 ký tự: Mã học phần(8 ký tự)_Năm(2 ký tự)_Dothoc(1 ký tự)_Sốthứ tự(3 ký tự)

10.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu

Mã	Tên lớp học phần	Điều kiện học trước	Ghi chú
TIKT1101_12_1_001	Tin học Đại cương_12_1_001	Liệt kê các mã học phần cần học trước	Dạy cho bậc đại học chính quy

11. Mã giảng đường

11.1. Định dạng 6 ký tự: *Mã địa điểm(3 ký tự)-Thứ tự phòng(3 ký tự)*

11.2. Các thuộc tính bắt buộc tối thiểu

Mã	Tên giảng đường	Số chỗ ngồi	Thiết bị	Địa điểm	Ghi chú
PN2-101	Phòng 101 – Giảng đường PTDL Phương Nam 2	60	Tiêu chuẩn / màn chiếu /máy chiếu / máy tính / điều hòa / âm thanh	Ngoài trường / Trong trường	

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tất cả các đơn vị trong trường khi triển khai công tác quản lý phải thực hiện mã hóa dữ liệu theo đúng những quy định này
- Giao cho Viện Công nghệ thông tin là đơn vị thường trực để thống nhất điều phối việc mã hóa dữ liệu hiện có của các đơn vị.
- Các đơn vị sau chịu trách nhiệm quản lý, mã hóa và công bố dữ liệu theo phân công cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Loại dữ liệu	Ghi chú
1	Phòng Tổ chức cán bộ	Mã đơn vị - Danh mục đơn vị Mã CB,GV – Danh sách cán bộ CNV	
2	Phòng QTTB	Mã giảng đường – Danh mục giảng đường	
3	Các đơn vị quản lý đào tạo	Mã sinh viên Mã chuyên ngành Mã lớp sinh viên Mã lớp học phần Mã học phần	
4	Phòng QLĐT	Mã bậc đào tạo Mã hệ, hình thức đào tạo Mã bộ môn	

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Văn Nam